

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 04-3-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thành;

Ông Đặng Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.**

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 60 T, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Châu Hoàng C, sinh năm 1946 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 60 T, Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Ngọc L là nguyên đơn trình bày: Vào năm 1979, bà với ông Châu Hoàng C xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông C có 03 người con gồm Châu Quốc Trường G, sinh năm 1981, Châu Quốc Trường S, sinh năm 1982, Châu Quốc Trường V, sinh năm 1983.

Thời gian mới cưới nhau, bà và ông C sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa hai

bên thường xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ năm 1983 cho đến nay. Từ khi ly thân bà không biết tung tích ông C ở đâu. Đến năm 2021, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố ông C mất tích. Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tuyên bố ông C mất tích tại quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Tất cả đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do ông Châu Hoàng C là bị đơn đã mất tích. Bà Trần Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Trần Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Châu Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Khóm 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa bà Trần Ngọc L là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Châu Hoàng C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả bà L và ông C.

[2] Về mặt nội dung: Bà Trần Ngọc L và ông Châu Hoàng C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1979 và không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông C có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Từ năm 1983 đến nay ông C đi khỏi nơi cư trú không rõ tung tích. Bà L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông C mất tích. Tòa án nhân dân thành phố

Trà Vinh đã tuyên bố ông C mất tích tại quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 30 tháng 9 năm 2021. Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Ngọc L và ông Châu Hoàng C có 03 người con chung gồm Châu Quốc Trường G, sinh năm 1981, Châu Quốc Trường S, sinh năm 1982, Châu Quốc Trường V, sinh năm 1983. Tất cả con chung đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Ngọc L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng do bà L là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L.

Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc L được ly hôn với ông Châu Hoàng C.

Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Ngọc L được miễn án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND Phường 3;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Khoa**

